

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05/11/2019
V/v: “Tranh chấp về Hôn nhân và
Gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Ông Khương Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa: Bà Diệp Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 về việc: “Tranh chấp về Hôn nhân Gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị M, sinh năm 1990

Nơi ĐKKH: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố X, thị trấn H, huyện L, tỉnh V, có mặt

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V, vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 23/9/2019 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Vũ Thị M trình bày: chị và anh Nguyễn Văn K kết hôn vào ngày 04/9/2009, có tìm hiểu, có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Kết hôn xong chị về chung sống cùng gia đình anh K được khoảng 06 tháng thì gia đình cho vợ chồng chị ra ăn riêng nhưng vẫn sống chung nhà với bố mẹ anh K. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K ham chơi cờ bạc,

không chịu làm ăn chân chính, thường uống rượu say về đánh chửi chị. Chị đã nhiều lần khuyên bảo và cũng đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhưng anh K không thay đổi. Đến ngày 06/9/2019, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị tại tổ dân phố X, thị trấn H cho đến nay. Vợ chồng chị và gia đình hai bên có dàn xếp nhiều lần nhưng không thành. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị xin được ly hôn anh K.

Con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/4/2010 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 30/8/2012. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh K. Ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi cháu H, để anh K trực tiếp nuôi cháu T. Các bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: chị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn K được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, nhưng tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải ngày 03/10/2019, anh K trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, thời gian ly thân như chị M trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chơi lô đề nên vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau và anh có đánh chị M 02 lần. Đến tháng 09/2019, do anh đi uống rượu, đánh bài thua tiền và có nói dối chị M là bị mất nên hai vợ chồng xảy ra cãi nhau, trong lúc nóng giận anh có đánh chị M. Chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị M nên chị M xin ly hôn anh không đồng ý, anh xin đoàn tụ.

Về con chung: như chị M trình bày là đúng. Nếu ly hôn, tôi xin nuôi cả hai con, không yêu cầu chị M đóng góp nuôi con chung cùng.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh K không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Giải quyết cho chị M được ly hôn anh K; con chung: giao cho mỗi người trực tiếp nuôi 01 con chung. Các bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau; tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; án phí: chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Vũ Thị M và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và gia đình là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn K có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn K, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Văn K nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh K theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Vũ Thị M và anh Nguyễn Văn K là cuộc hôn nhân hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng cũng có thời gian hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, do anh K không chịu làm ăn chân chính, chơi bời cờ bạc, rượu chè dẫn đến vợ chồng xảy ra xô xát, anh K nhiều lần đánh chị M, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Nay chị M xin ly hôn, anh K xin đoàn tụ.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng chị M và anh K đã trầm trọng, anh K đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, mãi chơi bời cờ bạc, rượu chè, không quan tâm, chăm lo gia đình. Do vậy, việc anh K xin đoàn tụ cũng chỉ nhằm mục đích kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, nên việc chị M xin ly hôn anh K là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị M và anh K đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/4/2010 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 30/8/2012. Ly hôn, chị M đề nghị được trực tiếp nuôi cháu H, để anh K trực tiếp nuôi cháu T, các bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau. Anh K đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu chị M phải đóng góp nuôi con chung cùng.

Xét về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung, điều kiện nuôi con chung của các bên là như nhau. Do vậy, cần giao cho mỗi người nuôi một cháu để đảm bảo quyền lợi của các bên cũng như đảm bảo điều kiện chăm sóc các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con, do mỗi người nuôi một cháu và cả hai không đề nghị phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Về Hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn K

[2] Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 30/8/2012; giao cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/4/2010. Các bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Án phí: Chị Vũ Thị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0007474 ngày 25/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị M đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Lê Thị Nga